

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA LUẬT TIẾP CÔNG DÂN NĂM 2013

ThS. Phan Trần Mai Phương¹

Tóm tắt:

Ngay từ những ngày đầu thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và nay là Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, vấn đề tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm; các bài viết, câu nói của Người về vấn đề này vẫn còn nguyên giá trị. Quán triệt tư tưởng đó, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, văn bản quy phạm pháp luật về tiếp công dân và thực hiện đạt một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, việc vận dụng quy định còn chưa thống nhất bởi chưa có hệ thống quy định đồng bộ, xuyên suốt trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị. Vì vậy, ngày 25/11/2013, tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật Tiếp công dân năm 2013. Đây là văn bản có giá trị pháp lý chung để điều chỉnh các quan hệ xã hội trong lĩnh vực tiếp công dân; qua đó, yêu cầu các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị ban hành văn bản về hoạt động tiếp công dân của cơ quan, tổ chức mình phải phù hợp với quy định của Luật Tiếp công dân năm 2013. Sau đây, tác giả sẽ giới thiệu một số quy định cơ bản của Luật Tiếp công dân năm 2013.

Từ khóa: Tiếp công dân, Luật Tiếp công dân năm 2013

Nội dung:

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng chỉ rõ: “Đạo đức cách mạng là hòa mình với quần chúng thành một khối, tin quần chúng, hiểu quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng”², “muốn cho dân yêu, muốn được lòng dân, việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh”³. Hoạt động tiếp công dân không chỉ góp phần hiện thực hóa quyền làm chủ của Nhân dân, cụ thể hóa phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”; mà còn củng cố mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân nhằm phát huy bản chất

¹ Giảng viên Khoa Luật, Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, T.11, Tr.600-612.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Sđd, T.4, Tr51-52

Nhà nước “*của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân*”. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác này, thời gian qua, Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản về công tác tiếp công dân như:

- Nghị định số 89/NĐ-CP ngày 07/8/1997 của Chính phủ ban hành kèm theo Quy chế tổ chức tiếp công dân;
- Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998;
- Quyết định số 858/QĐ-TTg ngày 14/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án Đổi mới công tác tiếp công dân;
- Luật Khiếu nại năm 2011;
- Luật Tố cáo năm 2018.

Bên cạnh đó, một số cơ quan, tổ chức ban hành văn bản quy định về tổ chức và hoạt động tiếp công dân trong cơ quan, tổ chức mình như: Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận... Tuy nhiên, quy định về tổ chức và hoạt động tiếp công dân giữa các văn bản này còn có sự khác biệt, thiếu thống nhất, chẳng hạn như: nhiệm vụ, quyền hạn của Trụ sở tiếp công dân và nghĩa vụ, quyền hạn của người phụ trách Trụ sở tiếp công dân, người làm công tác tiếp công dân chưa được quy định đầy đủ; phạm vi trách nhiệm, sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức với nhau chưa được quy định rõ ràng; tiêu chuẩn, chế độ chính sách đối với người tiếp công dân cũng như trình tự, thủ tục tiếp công dân,... chưa được quy định cụ thể.

Để đổi mới công tác tiếp công dân gắn liền với việc xây dựng bộ máy Nhà nước ngày càng trong sạch, vững mạnh, ngày 25/11/2013, tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIII đã chính thức thông qua Luật Tiếp công dân năm 2013. Đây là văn bản có giá trị pháp lý chung để điều chỉnh các quan hệ xã hội trong lĩnh vực tiếp công dân; thông qua đó, yêu cầu các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị ban hành văn bản về hoạt động tiếp công dân của cơ quan, tổ chức mình phải phù hợp với quy định của văn bản này. Luật Tiếp công dân năm 2013 gồm 09 chương với tổng số 36 điều có các nội dung cụ thể như sau:

Chương I: “Quy định chung”, từ Điều 01 đến Điều 06. Chương này quy định về phạm vi điều chỉnh, giải thích từ ngữ, nguyên tắc tiếp công dân, trách nhiệm tiếp công dân, quản lý công tác tiếp công dân và các hành vi bị nghiêm cấm.

Chương II: “Quyền và nghĩa vụ của người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; trách nhiệm của người tiếp công dân”, từ Điều 07 đến Điều 09. Chương này quy định về quyền và nghĩa vụ của người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; trách nhiệm của người tiếp công dân và những trường hợp được từ chối tiếp công dân.

Chương III: “Tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân ở Trung ương, Trụ sở tiếp công dân cấp tỉnh, Trụ sở tiếp công dân cấp huyện; việc tiếp công dân cấp xã”, từ Điều 10 đến Điều 15. Chương này quy định về Trụ sở tiếp công dân; tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân ở Trung ương; tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân cấp tỉnh; tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân cấp huyện; nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban tiếp công dân; việc tiếp công dân ở xã, phường, thị trấn.

Chương IV: “Tiếp công dân tại cơ quan hành chính nhà nước; tại Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm toán Nhà nước” từ Điều 16 đến Điều 19. Chương này quy định về việc tổ chức tiếp công dân tại cơ quan hành chính nhà nước; việc tổ chức tiếp công dân tại Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm toán Nhà nước; trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan trong việc tiếp công dân, địa điểm tiếp công dân.

Chương V: “Tiếp công dân của các cơ quan của Quốc hội, đại biểu Quốc hội, của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp”, từ Điều 20 đến Điều 23. Chương này quy định về việc tiếp công dân của các cơ quan của Quốc hội; tiếp công dân của đại biểu Quốc hội, tiếp công dân của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; đồng thời giao Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định chi tiết các vấn đề này.

Chương VI: “Hoạt động tiếp công dân của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân”, từ Điều 24 đến Điều 28. Chương này quy định về công bố thông tin về việc tiếp công dân của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân; tiếp và xử lý bước đầu

kiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; phân loại, chuyển nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đến cơ quan, người có thẩm quyền thụ lý, giải quyết; trách nhiệm thông báo cho Ban Tiếp công dân, người tiếp công dân về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được chuyển đến; thông báo kết quả xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Chương VII: “Trách nhiệm tiếp và xử lý trường hợp nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung”, từ Điều 29 đến Điều 32. Chương này quy định về cử người đại diện khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung; tiếp và xử lý trường hợp nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung tại nơi tiếp công dân; trách nhiệm phối hợp của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc tiếp và xử lý trường hợp nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; trách nhiệm của Tổng Thanh tra Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công an, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Chương VIII: “Điều kiện bảo đảm cho hoạt động tiếp công dân”, từ Điều 33 đến Điều 34. Chương này quy định về điều kiện đảm bảo cho hoạt động tiếp công dân và tiêu chuẩn, chế độ, chính sách đối với người tiếp công dân.

Chương IX: “Điều khoản thi hành”, gồm Điều 35 quy định về hiệu lực thi hành và Điều 36 quy định về hướng dẫn thi hành Luật Tiếp công dân.

Trước khi Luật Tiếp công dân năm 2013 được ban hành, Việt Nam chưa có một văn bản quy phạm pháp luật nào định nghĩa về “tiếp công dân”; do đó, tại Khoản 1 Điều 2 của Luật Tiếp công dân năm 2013 đã quy định: “*Tiếp công dân là việc cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân quy định tại Điều 4 của Luật này*⁴ đón tiếp

⁴ Điều 4 Luật Tiếp công dân năm 2013 quy định về trách nhiệm tiếp công dân:

1. Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm tổ chức tiếp công dân bao gồm:

a) Chính phủ;
b) Bộ, cơ quan ngang bộ; tổng cục và tổ chức tương đương; cục;
c) Ủy ban nhân dân các cấp;
d) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
đ) Các cơ quan của Quốc hội;
e) Hội đồng nhân dân các cấp;
g) Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm toán nhà nước.

2. Đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp có trách nhiệm tiếp công dân theo quy định của Luật này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

để lắng nghe, tiếp nhận khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân; giải thích, hướng dẫn cho công dân về việc thực hiện khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo đúng quy định của pháp luật". Từ khái niệm thể hiện được việc tiếp công dân là khâu đầu tiên trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân. Người phụ trách Trụ sở tiếp công dân, người làm công tác tiếp công dân phải giải thích, hướng dẫn cho công dân về việc thực hiện khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo đúng quy định của pháp luật và tiếp nhận, xử lý bước đầu cũng như phân loại, chuyển khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đến chủ thể có thẩm quyền thụ lý, giải quyết; chủ thể có thẩm quyền phải xem xét, ra quyết định, kết luận giải quyết khiếu nại, tố cáo để trả lời cho công dân biết trong thời hạn. Việc tiếp công dân được diễn ra thường xuyên hoặc có thể định kỳ hoặc có thể đột xuất. Bằng hình thức tiếp công dân, Nhà nước nhận được các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân liên quan đến việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật để có các biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời; những thông tin thực tế sẽ giúp Nhà nước nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của công dân nhằm chấn chỉnh, bổ sung, sửa đổi, hủy bỏ những phần tồn tại khiếm khuyết và đề ra những nội dung mới, đúng đắn, phù hợp lòng dân; mặt khác, việc tiếp công dân cũng là một trong những cách để công dân kiểm tra, giám sát hoạt động của Nhà nước.

Về cơ bản, việc tiếp công dân phải đảm bảo các nguyên tắc quy định tại Điều 3 Luật Tiếp công dân năm 2013:

Thứ nhất, việc tiếp công dân phải được tiến hành tại nơi tiếp công dân của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Nơi tiếp công dân bao gồm Trụ sở tiếp công dân, địa điểm tiếp công dân hoặc nơi làm việc khác do cơ quan, tổ chức đơn vị có trách nhiệm tiếp công dân bố trí và phải thông báo công khai hoặc thông báo trước cho người được tiếp. Cơ quan, tổ chức, đơn vị bố trí nơi tiếp công dân phải thuận tiện

3. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan thuộc Chính phủ, đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức việc tiếp công dân phù hợp với yêu cầu, quy mô, tính chất hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.
Căn cứ vào quy định của Luật này, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội quy định về việc tiếp công dân trong cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống mình; Chính phủ quy định cụ thể việc tiếp công dân tại các cơ quan thuộc Chính phủ, đơn vị sự nghiệp công lập.

cho công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; đồng thời, phải niêm yết đầy đủ các thông tin tại nơi tiếp công dân như: Lịch tiếp công dân, nội quy tiếp công dân, trách nhiệm của người tiếp công dân và quyền, nghĩa vụ của công dân... nhằm đưa công tác tiếp công dân vào nền nếp nhất định, công khai, minh bạch và tăng cường sự giám sát cũng như hạn chế những hành vi tiêu cực của người có trách nhiệm tiếp công dân.

Thứ hai, việc tiếp công dân phải bảo đảm công khai, dân chủ, kịp thời; thủ tục đơn giản, thuận tiện; giữ bí mật và bảo đảm an toàn cho người tố cáo theo quy định của pháp luật; bảo đảm khách quan, bình đẳng, không phân biệt đối xử trong khi tiếp công dân.

Nguyên tắc này đòi hỏi công dân đến nơi tiếp công dân (lịch đã đăng ký) phải được tiếp đón kịp thời theo đúng trình tự, thủ tục; đòi hỏi ý kiến trình bày của công dân phải được lắng nghe, ghi nhận và được trao đổi lại khi thấy ý kiến hoặc thông tin, tài liệu cung cấp chưa đầy đủ, rõ ràng, chính xác; đòi hỏi chủ thể có thẩm quyền phải xem xét, giải quyết nhanh chóng mọi khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh dù cho là oan ức, bức xúc hay là chưa hiểu chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Trong trường hợp tố cáo, nguyên tắc yêu cầu người tiếp công dân không được tiết lộ bất kỳ thông tin gì có hại cho người tố cáo như về họ, tên, địa chỉ, bút tích... của người tố cáo trừ khi được người tố cáo đồng ý công khai; nếu thấy cần thiết hoặc khi người tố cáo yêu cầu thì người tiếp công dân có thể áp dụng hoặc kiến nghị chủ thể có thẩm quyền áp dụng những biện pháp để bảo vệ người tố cáo, người thân thích của người tố cáo.

Thứ ba, tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân thực hiện việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định của pháp luật. Nguyên tắc này vừa là định hướng chủ đạo, vừa là trách nhiệm của người tiếp công dân thể hiện xuyên suốt trong quá trình tiếp công dân.

Người tiếp công dân phải bảo đảm trang phục chỉnh tề, có đeo thẻ công chức, viên chức hoặc phù hiệu; có thái độ đúng mực, tôn trọng công dân; tiếp nhận đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; lắng nghe, ghi chép đầy đủ, chính

xác nội dung mà người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trình bày; giải thích, hướng dẫn cho người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, kết luận, quyết định giải quyết đã có hiệu lực pháp luật của chủ thể có thẩm quyền; hướng dẫn người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đến đúng cơ quan hoặc người có thẩm quyền giải quyết.

Ngược lại, khi đến nơi tiếp công dân, người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh phải nêu rõ họ tên, địa chỉ hoặc xuất trình giấy tờ tùy thân, giấy ủy quyền (nếu có); có thái độ đúng mực, tôn trọng đối với người tiếp công dân; trình bày trung thực sự việc; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; ký hoặc điền chỉ xác nhận những nội dung trình bày đã được người tiếp công dân ghi chép lại; nghiêm chỉnh chấp hành nội quy tiếp công dân và hướng dẫn của người tiếp công dân; trường hợp nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung thì phải cử người đại diện để trình bày nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khiếu nại, tố cáo của mình.

Người có trách nhiệm tiếp công dân được từ chối tiếp: người trong tình trạng say do dùng chất kích thích, người mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình; người có hành vi đe dọa, xúc phạm cơ quan, tổ chức, đơn vị, người tiếp công dân, người thi hành công vụ hoặc có hành vi khác vi phạm nội quy nơi tiếp công dân; người khiếu nại, tố cáo về vụ việc đã giải quyết đúng chính sách, pháp luật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, rà soát, thông báo bằng văn bản và đã được tiếp, giải thích, hướng dẫn nhưng vẫn cố tình khiếu nại, tố cáo kéo dài; những trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Trên đây là một số nội dung cơ bản của Luật Tiếp công dân năm 2013 được tác giả giới thiệu trong bài viết nhằm giúp cho người đọc có được cái nhìn khái quát nhất về hoạt động tiếp công dân; căn cứ vào đó, người đọc có thể tiếp tục nghiên cứu các vấn đề chuyên sâu về hoạt động này.

Luật Tiếp công dân năm 2013 ra đời có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc tạo dựng khung hành lang pháp lý góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp

của công dân khi thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; đồng thời, nó cũng đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với tổ chức và hoạt động của công tác tiếp công dân ở tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị của hệ thống chính trị trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam “*của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân*”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Hiến pháp năm 2013.
2. Luật Tiếp công dân năm 2013.
3. Đề cương giới thiệu Luật Tiếp công dân năm 2013 của Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật – Bộ Tư pháp.
4. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật.
5. Bùi Mạnh Cường – Nguyễn Thị Tô Quyên (2013), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia – Sự thật.